

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, DNNVV (DNNVV) giữ vai trò quan trọng trong tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm và bảo đảm ổn định xã hội tại Việt Nam. Mặc dù chiếm tỷ trọng lớn về số lượng và đóng góp đáng kể vào GDP, khu vực DNNVV vẫn gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận nguồn vốn tín dụng ngân hàng do quy mô nhỏ, năng lực tài chính hạn chế và mức độ minh bạch thông tin chưa cao. Đối với các NHTM, cho vay DNNVV vừa là cơ hội mở rộng thị phần cho vay, vừa tiềm ẩn nhiều rủi ro, khiến chất lượng cho vay trở thành yếu tố then chốt ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh và sự phát triển bền vững.

Bên cạnh đó, cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 và xu hướng chuyển đổi số trong ngành ngân hàng đang tạo ra những thay đổi căn bản trong hoạt động cho vay thông qua việc ứng dụng các công nghệ như trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), tự động hóa quy trình (RPA) và hệ thống cảnh báo sớm (EWS). Những công nghệ này mở ra cơ hội nâng cao chất lượng thẩm định, quản lý và kiểm soát rủi ro tín dụng. Tuy nhiên, việc tích hợp hiệu quả công nghệ số vào quản trị chất lượng cho vay vẫn còn nhiều hạn chế cả về lý luận và thực tiễn.

Là một trong những NHTM nhà nước chủ lực, VietinBank xác định DNNVV là phân khúc khách hàng chiến lược. Tuy nhiên, hoạt động cho vay DNNVV tại ngân hàng vẫn tồn tại những hạn chế về cơ cấu cho vay, đánh giá rủi ro và ứng dụng công nghệ. Do đó, việc nghiên cứu chất lượng cho vay đối với DNNVV tại VietinBank trong bối cảnh chuyển đổi số có ý nghĩa cấp thiết, góp phần hoàn thiện cơ sở lý luận, cung cấp bằng chứng thực nghiệm và đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả cho vay, kiểm soát rủi ro và hỗ trợ phát triển bền vững.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

2.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu quốc tế liên quan đến đề tài luận án

Phần này NCS đề cập đến 10 công trình nghiên cứu ở nước ngoài chia vào các nhóm (i) Các nghiên cứu về chất lượng cho vay, (ii) Các nghiên cứu về DNNVV

2.2. Tổng quan tình hình nghiên cứu trong nước có liên quan đến đề tài luận án

Các công trình nghiên cứu trong nước NCS đề cập đến 8 công trình nghiên cứu thuộc hai nhóm (i) Các nghiên cứu về chất lượng cho vay, (ii) Các nghiên cứu về cho vay đối với DNNVV

2.3. Tổng quan tình hình nghiên cứu có liên quan đến VietinBank

Tại VietinBank NCS đề cập đến 5 công trình nghiên cứu tại đây trong giai đoạn vừa qua để tìm khoảng trống nghiên cứu cho luận án này

2.4. Khoảng trống nghiên cứu

Tổng quan các nghiên cứu trong và ngoài nước cho thấy chất lượng cho vay DNNVV đã được tiếp cận dưới nhiều góc độ như chất lượng cho vay, hiệu quả cho vay, quản trị rủi ro và khả năng tiếp cận cho vay. Tuy nhiên, vẫn tồn tại ba khoảng trống chính.

Thứ nhất, về khung lý thuyết và mô hình phân tích. Các nghiên cứu chủ yếu đánh giá chất lượng cho vay thông qua các chỉ tiêu tài chính như tỷ lệ nợ xấu, nợ quá hạn, khả năng thu hồi vốn và lợi nhuận cho vay. Trong khi đó, các yếu tố đặc trưng của chuyển đổi số như khai thác dữ liệu, tự động hóa quy trình, chấm điểm cho vay bằng AI, giám sát khoản vay trên nền tảng số và cảnh báo rủi ro theo thời gian thực chưa được tích hợp đầy đủ. Mặc dù nhiều nghiên cứu đề cập đến AI, Big Data, e-KYC hay Open API, các yếu tố này thường được xem xét riêng lẻ, chưa hình thành mô hình phản ánh mối quan hệ giữa mức độ ứng dụng công nghệ số và chất lượng cho vay DNNVV.

Thứ hai, về phạm vi nghiên cứu. Các nghiên cứu trong nước chủ yếu phân tích hoạt động cho vay hoặc chuyển đổi số ở phạm vi toàn ngành hoặc nhiều ngân hàng thương mại. Nghiên cứu trường hợp tại từng ngân hàng còn hạn chế. Đặc biệt, chưa có công trình nào phân tích một cách hệ thống tác động của chuyển đổi số đến chất lượng cho vay DNNVV tại VietinBank trên cơ sở dữ liệu của chính ngân hàng, tạo ra khoảng trống về bằng chứng thực nghiệm.

Thứ ba, về phương pháp nghiên cứu. Mặc dù nhiều phương pháp như hồi quy, SEM, DEA và kết hợp định tính – định lượng đã được sử dụng, các nghiên cứu vẫn thiếu hệ thống thang đo phản ánh đầy đủ các thành phần của chuyển đổi số trong hoạt động cho vay, đồng thời chưa thống nhất về mô hình và biến đo lường, khiến kết quả khó so sánh. Từ đó, luận án kế thừa các phương pháp trước, đồng thời xây dựng và kiểm định thang đo về chuyển đổi số bằng EFA và các phân tích định lượng phù hợp nhằm hoàn thiện mô hình nghiên cứu trong bối cảnh Việt Nam.

2.5 Câu hỏi nghiên cứu

Cơ sở lý luận và khung phân tích nào phù hợp để đánh giá chất lượng cho vay đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa trong bối cảnh chuyển đổi số của ngân hàng thương mại?

Chất lượng cho vay đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam giai đoạn 2021-2025 đang ở mức nào và những yếu tố nào chi phối chất lượng cho vay?

Chuyển đổi số ảnh hưởng như thế nào đến chất lượng cho vay đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam và thông qua những cơ chế tác động nào?

Cần có những giải pháp và khuyến nghị chính sách gì để nâng cao chất lượng cho vay đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam trong giai đoạn tới?

3. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục tiêu nghiên cứu

Luận án đề xuất các giải pháp khả thi nhằm nâng cao chất lượng cho vay đối với DNNVV tại VietinBank đến năm 2035 với 3 nhiệm vụ nghiên cứu chủ yếu (i) tổng hợp, hệ thống hóa và làm rõ các vấn đề lý luận, (ii) phân tích, đánh giá thực trạng chất lượng cho vay đối với DNNVV tại VietinBank giai đoạn 2021 - 2025, làm rõ những kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân, (iii) đề xuất hệ thống giải pháp và kiến nghị nhằm nâng cao chất lượng cho vay đối với DNNVV tại VietinBank trong thời gian tới

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là chất lượng cho vay đối với DNNVV trong hoạt động của NHTM: (i) Các vấn đề lý luận về chất lượng cho vay đối với DNNVV trong NHTM; (ii) Thực trạng chất lượng cho vay đối với DNNVV tại VietinBank; (iii) Tác động của chuyển đổi số và các yếu tố công nghệ đến chất lượng cho vay; (iv) Các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng cho vay đối với DNNVV trong điều kiện hiện nay.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

(1) Phạm vi về nội dung: Luận án tập trung nghiên cứu chất lượng cho vay đối với DNNVV dưới góc độ NHTM

(2) Phạm vi về không gian: Nghiên cứu được thực hiện chủ yếu tại VietinBank trên phạm vi toàn hệ thống. Đồng thời, luận án có tham chiếu, so sánh với một số NHTM khác trong nước và quốc tế nhằm rút ra bài học kinh nghiệm phù hợp.

(3) Phạm vi về thời gian: Dữ liệu nghiên cứu thực trạng chủ yếu trong giai đoạn 2021 - 2025; Các tài liệu lý luận và nghiên cứu tham khảo được lựa chọn trong khoảng thời gian gần đây nhằm đảm bảo tính cập nhật, đặc biệt trong bối cảnh chuyển đổi số.

5. Phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu định tính và phương pháp định lượng, đảm bảo tính khoa học, hệ thống và phù hợp với đặc thù của đề tài.

6. Đóng góp mới của luận án

Thứ nhất, về lý luận và phương pháp tiếp cận: Luận án phát triển khung lý luận và khung phân tích về chất lượng cho vay đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa theo hướng tích hợp các yếu tố truyền thống và chuyển đổi số, góp phần hoàn thiện cách tiếp cận đánh giá chất lượng cho vay trong ngân hàng thương mại.

Thứ hai, về nghiên cứu thực nghiệm: Luận án cung cấp bằng chứng thực nghiệm về chất lượng cho vay đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam giai đoạn 2021-2025, làm rõ thực trạng, các nhân tố ảnh hưởng và tác động của chuyển đổi số đến chất lượng cho vay trong bối cảnh hoạt động của ngân hàng thương mại Việt Nam.

Thứ ba, về thực tiễn và hàm ý chính sách: Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, luận án đề xuất hệ thống giải pháp và khuyến nghị chính sách nhằm nâng cao chất lượng cho vay đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, đồng thời cung cấp cơ sở tham khảo cho các ngân hàng thương mại và cơ quan quản lý trong việc hoàn thiện chính sách cho vay và thúc đẩy chuyển đổi số trong hoạt động ngân hàng.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, nội dung chính của luận án được kết cấu thành 03 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về chất lượng cho vay đối với DNNVV trong NHTM

Chương 2: Thực trạng chất lượng cho vay đối với DNNVV tại VietinBank

Chương 3: Giải pháp nâng cao chất lượng cho vay đối với DNNVV tại VietinBank

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CHẤT LƯỢNG CHO VAY ĐỐI VỚI DNNVV TRONG NHTM

1.1. Khái quát về cho vay đối với DNNVV của NHTM

1.1.1. DNNVV

1.1.1.1. Khái niệm về DNNVV

DNNVV là cơ sở kinh doanh đã đăng ký kinh doanh theo quy định pháp luật, được chia thành ba cấp: doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp vừa theo quy mô số lao động bình quân năm và tổng nguồn vốn hoặc doanh thu cả năm, theo quy định.

1.1.1.2. Đặc điểm của DNNVV

DNNVV là một loại hình doanh nghiệp nên nó mang đầy đủ đặc điểm của một doanh nghiệp. Ngoài ra DNNVV còn có đặc điểm: (i) DNNVV có quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh và tiềm lực tài chính nhỏ, (ii) bộ máy điều hành gọn nhẹ, có tính linh hoạt cao nhưng năng lực quản trị chưa cao, (iii) chiến lược sản xuất kinh doanh, trình độ khoa học kỹ thuật và năng lực cạnh tranh hạn chế, (iv) hoạt động kinh doanh của DNNVV chịu ảnh hưởng lớn của môi trường kinh doanh

1.1.2 Cho vay đối với DNNVV

1.1.2.1. Khái niệm

Cho vay đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa là hoạt động cấp tín dụng của ngân hàng thương mại, theo đó ngân hàng thương mại chuyển giao cho doanh nghiệp nhỏ và vừa quyền sử dụng một khoản vốn trong thời hạn xác định trên cơ sở hợp đồng cho vay, theo nguyên tắc hoàn trả đầy đủ gốc và lãi theo quy định của pháp luật và thỏa thuận giữa các bên, nhằm đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ và vừa.

1.1.2.2. Vai trò của nguồn vốn vay ngân hàng đối với DNNVV

(i) bổ sung nguồn lực tài chính phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh. (ii) thúc đẩy đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất và năng lực cạnh tranh (iii) nâng cao khả năng chống chịu và quản trị rủi ro tài chính (iv) thúc đẩy đổi mới sáng tạo và phát triển bền vững (v) góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và phát triển khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa.

1.1.2.3. Đặc điểm cho vay đối với DNNVV

Các đặc điểm của việc cho vay đối với đối tượng khách hàng DNNVV: (i) các khoản vay này thường có giá trị từ thấp, (ii) bộ máy tổ chức điều hành hoạt động kinh doanh của DNNVV đơn giản, (iii) ngân hàng thường áp dụng

mức lãi suất cao hơn so với các doanh nghiệp lớn, (iv) cho vay đối với DNNVV luôn nhận được hỗ trợ, quan tâm từ Chính phủ.

1.1.2.4. Phân loại cho vay đối với DNNVV

Căn cứ theo các tiêu chí khác nhau mà ngân hàng phân loại hình thức cho vay đối với DNNVV thành các đối tượng khác nhau. Trên thực tế các ngân hàng có thể kết hợp nhiều tiêu thức phân loại khác nhau để lọc ra từng đối tượng cho vay sao cho phù hợp với mục đích báo cáo, phân tích đánh giá.

1.2. Chất lượng cho vay đối với DNNVV của NHTM

1.2.1. Khái niệm

*Chất lượng cho vay đối với DNNVV của NHTM thể hiện **hiệu quả** và **mức độ an toàn trong cho vay đối với DNNVV**, **đảm bảo tuân thủ** trong hoạt động đồng thời phù hợp với **bối cảnh chuyển đổi số**, **đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững**.*

1.2.2. Các tiêu chí đánh giá chất lượng cho vay đối với DNNVV

NCS đề cập 3 nhóm tiêu chí bao gồm (i) Nhóm tiêu chí đánh giá tính an toàn của hoạt động cho vay doanh nghiệp nhỏ và vừa (ii) Nhóm tiêu chí đánh giá tính hiệu quả của hoạt động cho vay (iii) Nhóm tiêu chí đánh giá mức độ chuyển đổi số trong hoạt động cho vay

1.2.3. Các nhân tố ảnh hưởng tới chất lượng cho vay đối với DNNVV

NCS đề cập hai nhóm nhân tố ảnh hưởng bao gồm (i) nhân tố khách quan (ii) nhân tố chủ quan

1.3. Kinh nghiệm nâng cao chất lượng cho vay đối với DNNVV và bài học cho VietinBank

Trong nội dung này, NCS đề cập đến kinh nghiệm nâng cao chất lượng cho vay đối với DNNVV các ngân hàng thương mại trong nước và quốc tế sau đó rút ra một số bài học kinh nghiệm có giá trị tham khảo đối với VietinBank

Kết luận chương 1

Chương 1 đã xây dựng cơ sở lý luận toàn diện về chất lượng cho vay đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) tại ngân hàng thương mại. Chương làm rõ khái niệm, đặc điểm và vai trò của DNNVV; phân tích hoạt động cho vay và các yêu cầu đặc thù đối với nhóm khách hàng này. Đồng thời, luận án xác định các tiêu chí đánh giá chất lượng cho vay và các nhân tố ảnh hưởng từ ngân hàng, doanh nghiệp và môi trường kinh tế, đặc biệt nhấn mạnh vai trò của công nghệ số trong nâng cao hiệu quả cho vay. Bên cạnh đó, chương tổng hợp kinh nghiệm trong nước và quốc tế, rút ra bài học tham khảo cho VietinBank.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CHẤT LƯỢNG CHO VAY ĐỐI VỚI DNNVV TẠI VIETINBANK

2.1. Khái quát về VietinBank

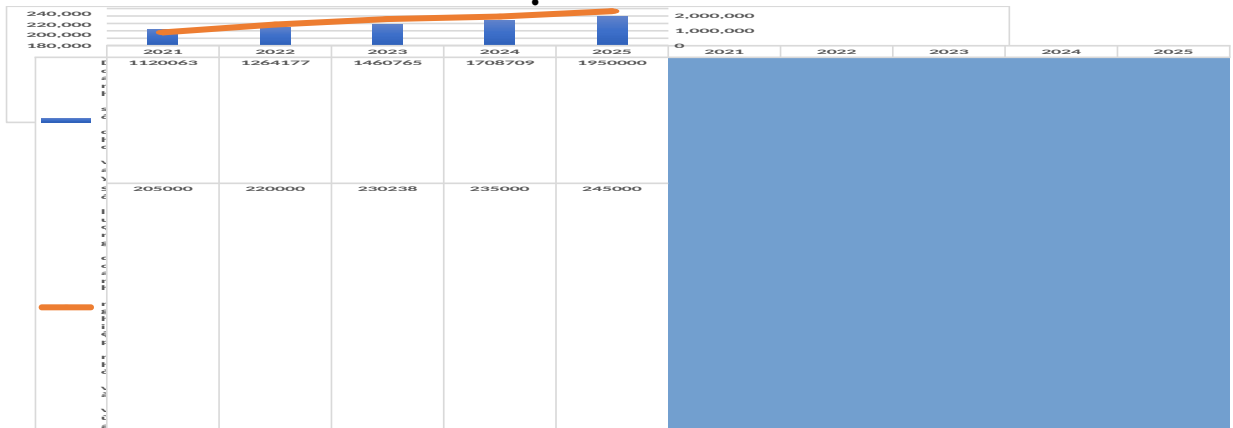
Nội dung này NCS khái quát quá trình hình thành và phát triển, cơ cấu tổ chức hoạt động và kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025 làm cơ sở phân tích thực trạng trong mục 2.2

2.2. Thực trạng chất lượng cho vay đối với DNNVV tại VietinBank

2.2.1. Khái quát về cho vay đối với DNNVV tại VietinBank

2.2.1.1. Số lượng doanh nghiệp cho vay và doanh số cho vay

Biểu đồ 2. 1: Tình hình vay vốn của DNNVV tại VietinBank giai đoạn 2021 - 2025



Nguồn: [12], [13], [14], [15]

Biểu đồ 2.5 phản ánh xu hướng tăng trưởng của hoạt động cho vay đối với DNNVV của VietinBank và mối quan hệ giữa quy mô cho vay và độ mở rộng tệp khách hàng tại VietinBank trong giai đoạn 2021-2025.

Biểu đồ 2. 6: Dư nợ bình quân doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam giai đoạn 2021-2025



Nguồn: [12], [13], [14], [15].

Biểu đồ 2.6 thể hiện xu hướng gia tăng quy mô dư nợ bình quân đối với DNNVV của VietinBank và sự thay đổi về cấu trúc và định hướng cho vay của VietinBank Trong giai đoạn 2021 - 2025.

Bảng 2.2: Doanh số cho vay doanh nghiệp nhỏ và vừa của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam theo thời hạn cho vay

Đơn vị: tỷ đồng, %

Chỉ tiêu	2021		2022		2023		2024		2025	
	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng
Cho vay ngắn hạn	680.022,831	60,71	768.841,671	60,82	956.804,155	65,50	1.131.645,052	66,23	1.306.500	67,00
Cho vay trung hạn	62.825,173	5,61	78.959,98	6,25	81.937,114	5,61	94.589,115	5,54	107.250	5,5%
Cho vay dài hạn	377.215,081	33,68	416.374,992	32,94	422.023,339	28,89	482.474,422	28,24	536.250	27,5%
Tổng cộng	1.120.063,09	100%	1.264.176,64	100%	1.460.764,608	100%	1.708.708,589	100%	1.950.000	100%

Nguồn: [12], [13], [14], [15].

Trong giai đoạn 2021-2025, hoạt động cho vay đối với DNNVV tại VietinBank ghi nhận sự tăng trưởng mạnh mẽ cả về quy mô và cơ cấu, phản ánh định hướng chiến lược tập trung vào phân khúc khách hàng DNNVV - vốn chiếm tới 97% tổng số doanh nghiệp tại Việt Nam.

2.2.1.2. Thực trạng chính sách cho vay đối với DNNVV

Chính sách cho vay đối với DNNVV tại VietinBank được xây dựng trên cơ sở tuân thủ chặt chẽ các quy định của NHNN, đồng thời phù hợp với định hướng quản trị rủi ro theo chuẩn mực Basel và chiến lược phát triển của VietinBank. Trong giai đoạn 2021 - 2025, VietinBank tiếp tục xác định DNNVV là phân khúc khách hàng trọng tâm, qua đó ban hành các chính sách cho vay theo hướng mở rộng tiếp cận vốn nhưng vẫn đảm bảo kiểm soát rủi

ro. Chính sách cho vay của VietinBank có xu hướng chuyển dịch từ mô hình cho vay truyền thống dựa nhiều vào TSBĐ sang mô hình đánh giá dựa trên dòng tiền và hiệu quả phương án kinh doanh.

2.2.1.3. Thực trạng quy trình cho vay đối với DNNVV

Quy trình cho vay đối với DNNVV tại VietinBank được xây dựng theo mô hình khép kín, bao gồm các bước cơ bản: tiếp cận khách hàng, thu thập hồ sơ, thẩm định, phê duyệt, giải ngân và quản lý sau cho vay. Quy trình này được chuẩn hóa theo toàn hệ thống nhằm đảm bảo tính thống nhất và kiểm soát rủi ro hiệu quả.

2.2.2. Thực trạng chất lượng cho vay đối với DNNVV tại VietinBank giai đoạn 2021 - 2025 qua các chỉ tiêu định tính

2.2.2.1. Mức độ phù hợp của chính sách cho vay đối với DNNVV

Trong giai đoạn 2021-2025, VietinBank đã từng bước điều chỉnh chính sách cho vay theo hướng mở rộng tiếp cận vốn cho doanh nghiệp, trong đó DNNVV là một phân khúc trọng tâm. Điều này được thể hiện qua quy mô cho vay liên tục tăng trưởng và chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tài sản của VietinBank. Dư nợ cho vay khách hàng của VietinBank duy trì ở mức cao và tăng qua các năm, phản ánh định hướng ưu tiên hoạt động cho vay trong chiến lược kinh doanh.

2.2.2.2. Chất lượng quy trình cho vay

Quy trình cho vay tại VietinBank được chuẩn hóa theo hệ thống quản trị nội bộ và tuân thủ chặt chẽ quy định của NHNN. Trong giai đoạn 2021 - 2025, VietinBank đã cải tiến quy trình theo hướng tăng cường ứng dụng công nghệ và rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ, góp phần nâng cao hiệu quả vận hành.

2.2.2.3. Năng lực thẩm định và quản trị rủi ro tín dụng

Năng lực thẩm định và quản trị rủi ro tín dụng của VietinBank được đánh giá là tương đối tốt trong hệ thống NHTM Việt Nam. Điều này thể hiện qua việc VietinBank duy trì hoạt động phân loại tài sản, trích lập dự phòng rủi ro đầy đủ và tuân thủ các quy định hiện hành. VietinBank luôn thực hiện trích lập dự phòng rủi ro tín dụng ở mức đáng kể, phản ánh sự thận trọng trong quản trị rủi ro.

2.2.2.4. Mức độ ứng dụng công nghệ trong hoạt động cho vay

Trong giai đoạn 2021 - 2025, VietinBank đã đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động ngân hàng, bao gồm cả lĩnh vực cho vay. Việc ứng dụng các hệ thống công nghệ như ngân hàng lõi (Core Banking), hệ thống quản lý cho vay và các công cụ hỗ trợ phân tích dữ liệu đã góp phần nâng cao hiệu quả vận hành.

2.2.2.5. Mức độ hài lòng của khách hàng DNNVV

Mức độ hài lòng của khách hàng có thể được phản ánh gián tiếp thông qua quy mô và tốc độ tăng trưởng cho vay DNNVV của VietinBank. Việc dư nợ cho vay khách hàng tăng trưởng ổn định qua các năm cho thấy VietinBank vẫn duy trì được niềm tin và mối quan hệ với khách hàng doanh nghiệp.

2.2.2.6. Mức độ tuân thủ quy định và kiểm soát nội bộ

VietinBank là một trong những NHTM có hệ thống kiểm soát nội bộ chặt chẽ và tuân thủ tốt các quy định của cơ quan quản lý. Các báo cáo tài chính được kiểm toán độc lập cho thấy VietinBank thực hiện đầy đủ các quy định về phân loại tài sản, trích lập dự phòng và công bố thông tin.

2.2.2.7. Mức độ đa dạng hóa và phù hợp của sản phẩm tín dụng

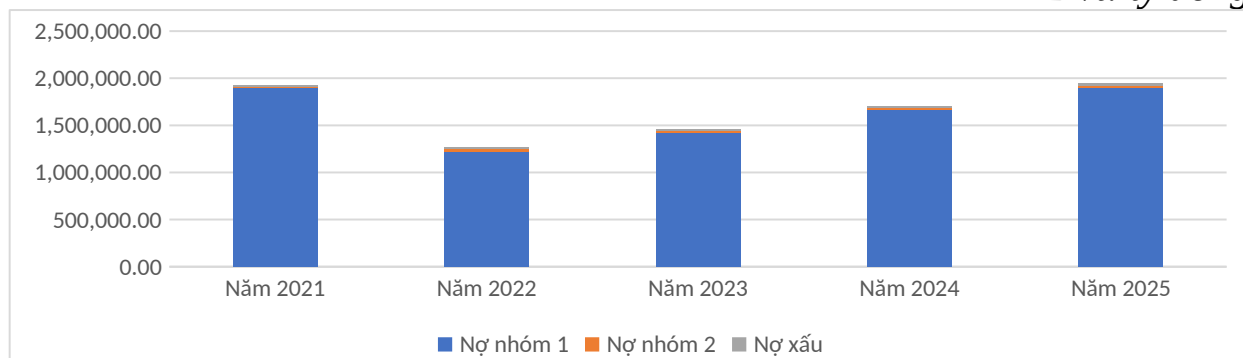
Trong giai đoạn 2021 - 2025, VietinBank đã phát triển nhiều sản phẩm cho vay nhằm phục vụ khách hàng doanh nghiệp, bao gồm cho vay ngắn hạn, trung dài hạn, tài trợ thương mại và các sản phẩm tài trợ chuỗi cung ứng. Điều này góp phần nâng cao khả năng đáp ứng nhu cầu vốn của DNNVV.

2.2.3. Thực trạng chất lượng cho vay đối với DNNVV tại VietinBank giai đoạn 2021 - 2025 qua các chỉ tiêu định lượng

Tỷ lệ nợ quá hạn, nợ xấu DNNVV tại VietinBank giai đoạn 2021 - 2025

Biểu đồ 2. 2: Doanh số cho vay đối với DNNVV theo nhóm nợ tại VietinBank giai đoạn 2021 - 2025

Đvt: tỷ đồng



Nguồn: [12], [13], [14], [15]

Bảng 2.4: Doanh số cho vay doanh nghiệp nhỏ và vừa theo nhóm nợ tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025

Đvt: tỷ đồng, %

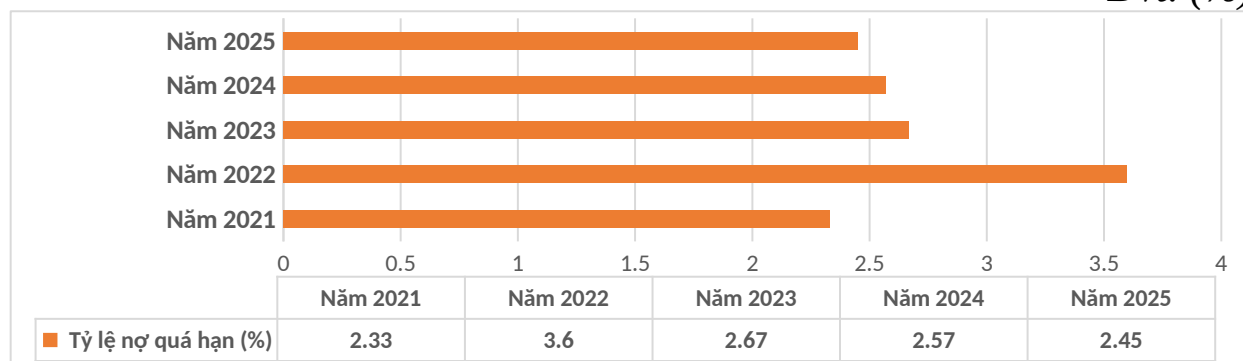
Chỉ tiêu	2021		2022		2023		2024		2025	
	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng
Nhóm 1	1.093.965,567	97,67%	1.218.719,546	96,40%	1.421.723,848	97,33%	1.664.709,576	97,43%	1.895.400	97,20%
Nhóm 2	11.846,029	1,06%	29.747,561	2,35%	22.645,316	1,55%	23.147,823	1,35%	29.250	1,50%
Nợ xấu	14.251,489	1,27%	15.709,536	1,24%	16.395,444	1,12%	20.851,19	1,22%	25.350	1,30%
Tổng	1.120.063,085	100%	1.264.176,643	100%	1.460.764,61	100%	1.708.708,59	100%	1.950.000	100%

Nguồn: [12], [13], [14], [15].

Trong giai đoạn 2021-2025, dư nợ cho vay đối với DNNVV theo nhóm nợ tại VietinBank cho thấy bức tranh khá tích cực về chất lượng cho vay, đồng thời phản ánh những biến động của môi trường kinh tế và đặc thù của phân khúc DNNVV. Dư nợ nhóm 1 tăng đều từ 1.093.966 tỷ đồng năm 2021 lên 1.664.710 tỷ đồng năm 2024 và tiếp tục đạt 1.895.400 tỷ đồng năm 2025, chiếm tỷ trọng ổn định quanh mức 96,4%-97,4%, và duy trì ở mức 97,2% năm 2025, qua đó khẳng định phần lớn dư nợ DNNVV của VietinBank vẫn nằm trong diện an toàn.

Biểu đồ 2. 3: Tình hình nợ quá hạn DNNVV tại VietinBank giai đoạn 2021 - 2025

Đvt: (%)



Nguồn: [12], [13], [14], [15]

Trong giai đoạn 2021-2025, tỷ lệ nợ quá hạn đối với DNNVV tại VietinBank có sự biến động rõ nét, phản ánh tác động của môi trường kinh tế và hiệu quả công tác quản trị tín dụng của VietinBank. Cụ thể, tỷ lệ nợ quá hạn tăng từ 2,33% năm 2021 lên mức cao 3,6% năm 2022, cho thấy những khó khăn của khu vực DNNVV trong giai đoạn hậu Covid-19 khi hoạt động sản xuất kinh doanh bị gián đoạn, dòng tiền suy giảm và khả năng trả nợ bị ảnh hưởng.

Tỷ lệ thu hồi nợ

Bảng 2.5: Tình hình thu hồi nợ xấu DNNVV của VietinBank giai đoạn 2020-2024

Năm	Số tiền thu hồi (tỷ đồng)	Tổng nợ xấu (tỷ đồng)	Tỷ lệ thu hồi (%)
2021	3.245	14.251,489	22,78
2022	5.362	15.709,536	34,13
2023	4.671	16.395,444	28,49
2024	8.481	20.851,19	40,67
2025	9.250	25.350	36,49

Nguồn: [12], [13], [14], [15]

Tình hình thu hồi nợ xấu DNNVV của VietinBank giai đoạn 2021-2025 gắn liền với đặc thù cho vay đối với phân khúc DNNVV. Với đặc điểm vốn mỏng, năng lực quản trị tài chính còn hạn chế và dễ bị tổn thương trước các cú sốc kinh tế, DNNVV luôn là nhóm khách hàng tiềm ẩn rủi ro cho vay cao trong danh mục của các ngân hàng. Thực tế tại VietinBank giai đoạn 2021-2022 cho thấy, nợ xấu DNNVV vẫn chịu ảnh hưởng kéo dài của đại dịch Covid-19, khiến hiệu quả thu hồi nợ còn hạn chế. Năm 2021, số tiền thu hồi đạt 3.245 tỷ đồng, tương ứng tỷ lệ 22,78%, phản ánh tình trạng dòng tiền của doanh nghiệp chưa phục hồi hoàn toàn, nhiều khoản nợ vẫn phải cơ cấu lại.

Tỷ lệ dự phòng rủi ro tín dụng

Bảng 2.6: Dự phòng rủi ro tín dụng đối với DNVVN tại VietinBank giai đoạn 2021 - 2025

Năm	Dự phòng (tỷ đồng)	Tổng dư nợ (tỷ đồng)	Tỷ lệ dự phòng (%)
2021	17.814	1.120.063	1,59%
2022	18.852	1.264.177	1,49%
2023	18.855	1.460.765	1,29%
2024	22.936	1.708.709	1,34%
2025	30.420	1.950.000	1,56%

Nguồn: [12], [13], [14], [15]

Từ dữ liệu trong bảng 2.7, có thể thấy dự phòng rủi ro tín dụng đối với DNNVV tại VietinBank giai đoạn 2021-2025 có sự biến động nhất định, phản ánh sự điều chỉnh linh hoạt trong chính sách trích lập dự phòng của VietinBank trong bối cảnh quy mô cho vay liên tục mở rộng.

2.2.3.2. Tỷ lệ sinh lời từ cho vay đối với DNNVV tại VietinBank giai đoạn 2021 - 2025

Bảng 2.7: Tỷ lệ sinh lời từ cho vay đối với DNNVV tại VietinBank giai đoạn 2021 - 2025

Đvt: tỷ đồng, %

Năm	Tổng dư nợ DNNVV	Tỷ lệ sinh lời	Lợi nhuận từ lãi vay
2021	1.120.063	7,50%	84.005
2022	1.264.177	8,20%	103.662
2023	1.460.765	8,80%	128.548
2024	1.708.709	7,20%	123.027
2025	1.950.000	7,60%	148.200

Nguồn: [12], [13], [14], [15]

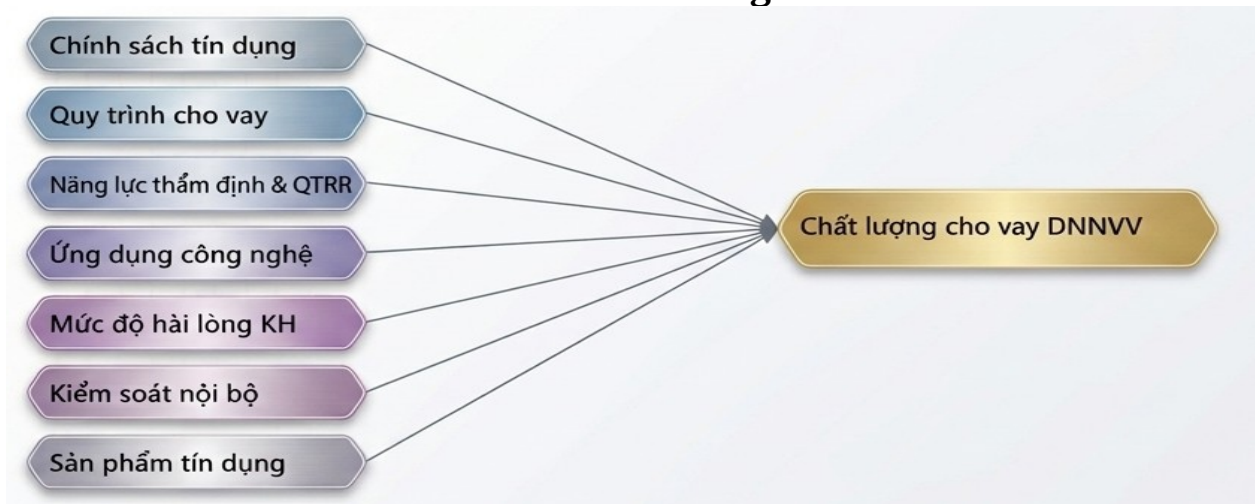
Lợi nhuận thu từ lãi vay đối với DNNVV tại VietinBank có xu hướng tăng trưởng tích cực trong giai đoạn 2021-2023, từ khoảng 84.005 tỷ đồng năm 2021 lên 128.548 tỷ đồng năm 2023. Sự gia tăng này phản ánh việc VietinBank mở rộng quy mô cho vay DNNVV, đồng thời tận dụng tốt đà phục hồi của khu vực doanh nghiệp sau đại dịch Covid-19.

2.3. Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng cho vay đối với DNNVV tại VietinBank qua mô hình định lượng

2.3.1. Lựa chọn mô hình

Phần này NCS đề cập: Mục đích khảo sát; Xây dựng giả thuyết nghiên cứu; Dữ liệu của đề tài được thực hiện theo mô hình.

Hình 2. 5: Sơ đồ nghiên cứu



Nguồn: NCS tự tổng hợp

Dựa trên các lý thuyết kinh tế liên quan, kế thừa các nghiên cứu trước và kết quả nghiên cứu định tính, đề tài xây dựng 7 giả thuyết nhằm kiểm định mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến chất lượng cho vay đối với DNNVV như sau:

H1: Mức độ phù hợp của chính sách cho vay có tác động thuận chiều đến chất lượng cho vay đối với DNNVV.

H2: Chất lượng quy trình cho vay có tác động tích cực đến chất lượng cho vay đối với DNNVV.

H3: Năng lực thẩm định và quản trị rủi ro tín dụng có tác động thuận chiều đến chất lượng cho vay đối với DNNVV.

H4: Mức độ ứng dụng công nghệ trong hoạt động cho vay có tác động tích cực đến chất lượng cho vay đối với DNNVV.

H5: Mức độ hài lòng của khách hàng DNNVV có tác động thuận chiều đến chất lượng cho vay đối với DNNVV.

H6: Mức độ tuân thủ quy định và kiểm soát nội bộ có tác động tích cực đến chất lượng cho vay đối với DNNVV.

H7: Mức độ đa dạng hóa và phù hợp của sản phẩm cho vay có tác động thuận chiều đến chất lượng cho vay đối với DNNVV.

2.3.2. Thiết kế phiếu khảo sát

NCS đề cập Bảng hỏi và 21 thang đo

2.3.3. Tiến hành khảo sát

2.3.3.1. Lựa chọn đối tượng khảo sát

- **Kích thước mẫu:** NCS quyết định phát ra 320 phiếu khảo sát.
- **Đối tượng khảo sát:** là cán bộ cho vay, cán bộ quản trị rủi ro, cán bộ khách hàng doanh nghiệp và cán bộ quản lý tại các chi nhánh của VietinBank.

2.3.3.2. Thời gian và hình thức khảo sát

- **Thời gian khảo sát:** Từ tháng 3/2025 đến tháng 6/2025.
- **Hình thức khảo sát:** Phiếu khảo sát được thực hiện thông qua hai hình thức: Phát trực tiếp tại các chi nhánh VietinBank; Gửi qua email đến các cán bộ liên quan. Tổng số phiếu khảo sát phát ra là 320 phiếu.

2.3.4. Kết quả khảo sát

2.3.4.1. Tổng hợp phiếu khảo sát

Tổng số phiếu khảo sát phát ra là 320 phiếu, số phiếu thu về là 286 phiếu, trong đó có 258 phiếu hợp lệ được sử dụng để phân tích.

Các phiếu khảo sát hợp lệ được tiến hành mã hóa và nhập vào phần mềm SPSS để thực hiện các bước phân tích tiếp theo. Kết quả phân tích mô tả mẫu được trình bày chi tiết tại phần phụ lục của luận án.

2.3.4.2. Đánh giá độ tin cậy thang đo bằng hệ số Cronbach's Alpha

Toàn bộ 20 biến quan sát của 7 nhân tố độc lập và các biến quan sát của biến phụ thuộc đều đạt yêu cầu về độ tin cậy và phù hợp để đưa vào phân tích nhân tố khám phá (EFA) ở bước tiếp theo.

2.3.4.3. Phân tích nhân tố khám phá EFA

a) Phân tích nhân tố khám phá EFA các thang đo thuộc các nhân tố ảnh hưởng tới chất lượng cho vay đối với DNNVV

b) Phân tích nhân tố khám phá EFA thang đo chất lượng cho vay đối với DNNVV

2.3.4.4. Thống kê mô tả các biến hồi quy

Để thực hiện phân tích hồi quy nhằm kiểm định tính đúng đắn và mức độ phù hợp của các giả thuyết cũng như mô hình nghiên cứu, trước hết cần tiến hành thống kê mô tả các biến trong mô hình, thông qua việc xác định giá trị trung bình của các biến quan sát và các nhân tố.

Kết quả thống kê mô tả cho thấy giá trị trung bình của hầu hết các biến đều nằm trong khoảng từ 4,29 đến 4,72, tương ứng với mức “đồng ý” đến “hoàn toàn đồng ý” theo thang đo Likert. Điều này phản ánh các đối tượng khảo sát đánh giá tương đối tích cực đối với các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng cho vay đối với DNNVV tại VietinBank.

Trong các biến độc lập, nhân tố năng lực thẩm định và quản trị rủi ro tín dụng (C) có giá trị trung bình cao nhất (4,72), cho thấy đây là yếu tố được đánh giá quan trọng nhất trong việc nâng cao chất lượng cho vay. Ngược lại, nhân tố mức độ hài lòng của khách hàng (E) có giá trị trung bình thấp nhất (4,29), tuy vẫn ở mức cao nhưng cho thấy vẫn còn dư địa để cải thiện.

So với biến phụ thuộc là chất lượng cho vay đối với DNNVV (4,58), các biến độc lập có sự dao động không lớn, cho thấy mức độ đánh giá tương đối đồng đều giữa các yếu tố trong mô hình. Điều này chứng tỏ các nhân tố được lựa chọn trong nghiên cứu có sự liên kết chặt chẽ và phù hợp để đưa vào phân tích hồi quy nhằm đánh giá mức độ ảnh hưởng đến chất lượng cho vay.

2.3.4.5. Đánh giá mức độ phù hợp của mô hình

Kết quả phân tích hồi quy tuyến tính cho thấy mô hình nghiên cứu có $R^2 = 0,714$ và R^2 hiệu chỉnh = 0,706. Điều này cho thấy mức độ giải thích của mô hình là khá cao, cụ thể 70,6% sự biến thiên của chất lượng cho vay đối với

DNNVV (H) được giải thích bởi các nhân tố độc lập trong mô hình, bao gồm: A (Chính sách cho vay), B (Quy trình cho vay), C (Năng lực thẩm định và quản trị rủi ro tín dụng), D (Ứng dụng công nghệ), E (Mức độ hài lòng của khách hàng), F (Kiểm soát nội bộ) và G (Sản phẩm cho vay).

Kết luận mô hình hồi quy đa biến được xây dựng là phù hợp và có ý nghĩa thống kê, đảm bảo điều kiện để tiếp tục phân tích mức độ ảnh hưởng cụ thể của từng nhân tố thông qua bảng hệ số hồi quy trong bước tiếp theo.

2.3.4.6. Kiểm định mức độ phù hợp của mô hình

Sử dụng kiểm định F trong phân tích phương sai với giá trị $F = 178,632$ để kiểm định giả thuyết về sự phù hợp của mô hình hồi quy, nhằm xem xét biến chất lượng cho vay đối với DNNVV có quan hệ tuyến tính với các biến độc lập trong mô hình. Với mức ý nghĩa $\text{Sig.} = 0,000 < 0,05$, kết quả cho thấy mô hình hồi quy là phù hợp với dữ liệu nghiên cứu.

Như vậy, mô hình hồi quy đa biến được xây dựng thỏa mãn các điều kiện kiểm định và đảm bảo độ tin cậy để sử dụng trong việc phân tích và đưa ra các kết luận nghiên cứu. a) Kiểm tra đa cộng tuyến và hiện tượng tự tương quan b) Kiểm tra phương sai không đồng nhất

2.3.4.7. Kết quả chạy mô hình nghiên cứu

Kết quả là cơ sở quan trọng để đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng cho vay đối với DNNVV tại VietinBank trong các chương tiếp theo.

2.3.4.8. Kiểm định giả thuyết hồi quy

a) Kiểm định giả thuyết hồi quy với phân tích phương sai

b) Kiểm định giả thuyết hồi quy với kiểm định trung bình tổng thể

2.4. Đánh giá thực trạng chất lượng cho vay đối với DNNVV tại VietinBank

2.4.1. Những điểm đạt được

Những kết quả đạt được: (1) Tăng trưởng dư nợ ổn định, (2) Kiểm soát chất lượng cho vay hiệu quả, (3) Hỗ trợ đa dạng nhu cầu vốn của doanh nghiệp, (4) Cân bằng giữa tăng trưởng và quản trị rủi ro, (5) Ứng dụng công nghệ số mạnh mẽ trong quy trình cho vay, (6) Hiệu quả trong xử lý và thu hồi nợ xấu

2.4.2. Những hạn chế

Hạn chế bao gồm: (1) Công tác thẩm định tín dụng còn hạn chế, (2) Chính sách TSBĐ còn cứng nhắc, (3) Quy trình và thủ tục vay vốn chưa tinh gọn, (4) Chính sách lãi suất và chi phí vốn chưa linh hoạt, (5) Tốc độ tăng

trường cho vay chậm lại giai đoạn 2022-2023, (6) Ứng dụng công nghệ số chưa toàn diện

2.4.3. Nguyên nhân

Nguyên nhân chủ quan gồm: (i) năng lực thẩm định cho vay của VietinBank vẫn còn thiên về phương pháp truyền thống, (ii) chính sách cho vay của VietinBank còn mang tính thận trọng cao và phụ thuộc nhiều vào TSBĐ, (iii) quy trình cho vay còn phức tạp và chưa được số hóa hoàn toàn, (iv) chính sách lãi suất và cấu trúc sản phẩm cho vay chưa thực sự linh hoạt, (v) mức độ ứng dụng công nghệ trong hoạt động cho vay chưa toàn diện.

Nguyên nhân khách quan: (i) DNNVV tại Việt Nam có quy mô nhỏ, năng lực tài chính hạn chế và mức độ minh bạch thông tin chưa cao, (ii) thị trường dữ liệu và hạ tầng thông tin tín dụng tại Việt Nam chưa phát triển đồng bộ, (iii) khung pháp lý liên quan đến TSBĐ và cho vay dựa trên dòng tiền chưa hoàn thiện, (iv) bối cảnh kinh tế vĩ mô trong giai đoạn 2022-2023 có nhiều biến động bất lợi

Kết luận chương 2

Chương 2 đã cung cấp cái nhìn thực tiễn, toàn diện về chất lượng cho vay đối với DNNVV tại VietinBank, làm cơ sở quan trọng cho việc đề xuất các giải pháp phù hợp trong chương 3 tiếp theo.

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CHO VAY ĐỐI VỚI DNNVV TẠI VIETINBANK

3.1. Định hướng nâng cao chất lượng cho vay đối với DNNVV tại VietinBank

Trong phần này NCS đề cập bối cảnh kinh tế vĩ mô tác động đến chất lượng cho vay đối với DNNVV, định hướng hoạt động kinh doanh, mục tiêu nâng cao chất lượng cho vay đối với DNNVV và định hướng nâng cao chất lượng cho vay đối với DNNVV tại VietinBank đến năm 2035

3.2. Giải pháp nâng cao chất lượng cho vay đối với DNNVV tại VietinBank

3.2.1. Hoàn thiện chính sách cho vay theo hướng số hóa và cá thể hóa khách hàng

Trong bối cảnh chuyển đổi số, hoàn thiện chính sách cho vay theo hướng số hóa và cá thể hóa khách hàng là giải pháp quan trọng nhằm nâng cao chất lượng cho vay DNNVV tại VietinBank. Kết quả hồi quy cho thấy nhân tố chính sách cho vay có hệ số Beta 0,142, phản ánh mức độ ảnh hưởng trung bình nhưng giữ vai trò định hướng hoạt động cho vay. Tuy nhiên, giai đoạn 2021–2025, chính sách cho vay của VietinBank vẫn còn phụ thuộc nhiều vào tài sản bảo đảm (TSBĐ), chưa phù hợp với đặc thù DNNVV có tiềm năng phát triển nhưng hạn chế về tài sản thế chấp.

VietinBank cần chuyển từ mô hình cho vay dựa trên TSBĐ sang cho vay dựa trên dòng tiền và dữ liệu số. Ngân hàng có thể khai thác dữ liệu từ hóa đơn điện tử, tài khoản thanh toán, hệ thống POS, dữ liệu thuế và phần mềm kế toán để đánh giá năng lực tài chính doanh nghiệp, từ đó mở rộng cho vay cho các doanh nghiệp có dòng tiền ổn định nhưng thiếu tài sản bảo đảm.

Bên cạnh đó, cần cá thể hóa chính sách cho vay theo ngành nghề, quy mô, mức độ rủi ro và hành vi tài chính của khách hàng; đồng thời ứng dụng AI, Big Data, eKYC, OCR và RPA vào chấm điểm tín dụng, tự động

hóa quy trình và rút ngắn thời gian phê duyệt. VietinBank cũng nên áp dụng cơ chế định giá theo rủi ro và phát triển hệ sinh thái tài chính số nhằm tăng cường chia sẻ dữ liệu. Đây là nền tảng để nâng cao chất lượng cho vay DNNVV, mở rộng thị phần và nâng cao năng lực cạnh tranh trong kỷ nguyên số.

3.2.2. Ứng dụng AI và Big Data trong thẩm định tín dụng

Ứng dụng AI và Big Data trong thẩm định tín dụng là giải pháp đột phá nhằm nâng cao chất lượng cho vay DNNVV tại VietinBank. Kết quả nghiên cứu cho thấy nhân tố ứng dụng công nghệ có hệ số Beta 0,204, thuộc nhóm các yếu tố ảnh hưởng mạnh nhất đến chất lượng cho vay. Điều này khẳng định vai trò quan trọng của công nghệ trong phân tích dữ liệu, dự báo rủi ro và rút ngắn thời gian thẩm định.

Hoạt động thẩm định tại VietinBank vẫn phụ thuộc nhiều vào báo cáo tài chính và tài sản bảo đảm, gây khó khăn trong việc đánh giá chính xác năng lực tài chính của DNNVV. Vì vậy, ngân hàng cần xây dựng hệ thống phân tích tín dụng dựa trên AI và Big Data, khai thác dữ liệu từ hóa đơn điện tử, cơ quan thuế, giao dịch ngân hàng, POS và các nền tảng số để hình thành hồ sơ cho vay toàn diện cho khách hàng.

VietinBank cần triển khai hệ thống chấm điểm tín dụng tự động và cảnh báo sớm rủi ro dựa trên dữ liệu thời gian thực, giúp nâng cao độ chính xác trong thẩm định và giảm nợ xấu. Đồng thời, ngân hàng cần đầu tư hạ tầng dữ liệu, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và bảo đảm an toàn thông tin. Đây là nền tảng để xây dựng hệ thống thẩm định cho vay thông minh và nâng cao năng lực cạnh tranh trong dài hạn.

3.2.3. Hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro tín dụng thông minh

Hoạt động cho vay DNNVV ngày càng mở rộng và phức tạp, xây dựng hệ thống quản trị rủi ro tín dụng thông minh là yêu cầu cấp thiết đối với VietinBank. Kết quả nghiên cứu cho thấy năng lực thẩm định và quản trị rủi ro tín dụng có hệ số Beta cao nhất (0,292), khẳng định đây là yếu tố tác động mạnh nhất đến chất lượng cho vay. Vì vậy, nâng cao năng lực quản

trị rủi ro cần được xem là ưu tiên hàng đầu trong chiến lược phát triển cho vay của ngân hàng.

Hiện nay, công tác quản trị rủi ro của VietinBank vẫn mang tính phản ứng, chủ yếu xử lý khi rủi ro đã phát sinh. Do đó, ngân hàng cần triển khai hệ thống cảnh báo sớm (EWS) dựa trên dữ liệu đa nguồn như lịch sử giao dịch, báo cáo tài chính, dòng tiền, hóa đơn điện tử và dữ liệu thương mại điện tử để phát hiện sớm các dấu hiệu suy giảm chất lượng cho vay. Đồng thời, cần phát triển hệ thống giám sát khoản vay theo thời gian thực và ứng dụng AI trong dự báo khả năng vỡ nợ, phân loại khách hàng theo mức độ rủi ro và hỗ trợ ra quyết định.

Bên cạnh đó, VietinBank cần xây dựng nền tảng dữ liệu tập trung, hoàn thiện khung quản trị rủi ro theo chuẩn Basel II và Basel III, đồng thời đầu tư hạ tầng công nghệ, nguồn nhân lực và bảo mật dữ liệu. Đây là nền tảng giúp ngân hàng giảm nợ xấu, nâng cao chất lượng cho vay và phát triển bền vững.

3.2.4. Phát triển nguồn nhân lực

Nguồn nhân lực là yếu tố then chốt quyết định chất lượng cho vay DNNVV tại VietinBank. Kết quả nghiên cứu cho thấy các nhân tố có tác động mạnh nhất đến chất lượng cho vay đều gắn với năng lực chuyên môn và khả năng ứng dụng công nghệ của cán bộ cho vay. Do đó, phát triển nguồn nhân lực số là điều kiện tiên quyết để triển khai hiệu quả các giải pháp công nghệ và quản trị rủi ro.

VietinBank cần tăng cường đào tạo kỹ năng số, phân tích dữ liệu, sử dụng các hệ thống chấm điểm tín dụng và công cụ hỗ trợ ra quyết định dựa trên dữ liệu. Đồng thời, cán bộ cho vay cần được nâng cao hiểu biết về đặc thù hoạt động của DNNVV để đánh giá khách hàng toàn diện hơn. Bên cạnh đó, ngân hàng cần xây dựng đội ngũ chuyên gia dữ liệu, thúc đẩy phối hợp giữa các bộ phận kinh doanh, quản trị rủi ro và công nghệ thông tin, đồng thời có cơ chế thu hút nhân tài trong lĩnh vực AI và Big Data. Đây là nền tảng quan trọng để nâng cao chất lượng thẩm định và phát triển bền vững.

3.2.5. Hoàn thiện quy trình cho vay đối với khách hàng DNNVV

Hoàn thiện quy trình cho vay DNNVV là yêu cầu tất yếu đối với VietinBank. Kết quả nghiên cứu cho thấy nhân tố quy trình cho vay có hệ số Beta 0,151, phản ánh ảnh hưởng đáng kể đến chất lượng cho vay. Mặc dù đã triển khai một số nền tảng công nghệ, quy trình cho vay vẫn chưa được số hóa hoàn toàn, khiến thời gian xử lý hồ sơ còn kéo dài.

VietinBank cần xây dựng mô hình cho vay số hóa toàn trình (end-to-end digital lending), tích hợp các công nghệ như eKYC, OCR, RPA, chữ ký số và hợp đồng điện tử nhằm tự động hóa các khâu từ tiếp nhận hồ sơ, thẩm định đến giải ngân và quản lý sau vay. Đồng thời, ngân hàng cần triển khai xử lý tự động (STP) đối với các khoản vay tiêu chuẩn và phát triển hệ thống CRM để quản lý khách hàng hiệu quả hơn. Việc số hóa quy trình sẽ giúp giảm chi phí, rút ngắn thời gian phê duyệt, nâng cao trải nghiệm khách hàng và cải thiện chất lượng cho vay DNNVV.

3.2.6. Phát triển hệ sinh thái, mở rộng khả năng tiếp cận vốn cho DNNVV

Phát triển hệ sinh thái sản phẩm cho vay số: Trong bối cảnh kinh tế số phát triển mạnh mẽ, VietinBank cần xây dựng hệ sinh thái tài chính số nhằm nâng cao chất lượng cho vay DNNVV. Kết quả nghiên cứu cho thấy nhân tố sản phẩm cho vay có hệ số Beta 0,145, phản ánh vai trò quan trọng của việc thiết kế sản phẩm phù hợp với nhu cầu doanh nghiệp. VietinBank cần kết nối với các nền tảng thương mại điện tử, ERP, POS, hóa đơn điện tử và cơ quan thuế để khai thác dữ liệu theo thời gian thực. Trên cơ sở đó, ngân hàng phát triển các sản phẩm như tài trợ chuỗi cung ứng (SCF), bao thanh toán và cho vay số, đồng thời xây dựng nền tảng ngân hàng số dành riêng cho DNNVV.

Mở rộng khả năng tiếp cận vốn cho DNNVV: Để nâng cao chất lượng cho vay, VietinBank cần mở rộng khả năng tiếp cận vốn cho DNNVV thông qua các giải pháp cho vay linh hoạt. Ngân hàng nên đa dạng hóa sản phẩm cho vay dựa trên dòng tiền, tín chấp và cho vay theo chuỗi giá trị thay vì phụ thuộc chủ yếu vào tài sản bảo đảm. Đồng thời, cần tăng cường hợp tác với các quỹ bảo lãnh tín dụng, đẩy mạnh cho vay theo chuỗi cung

ứng và hỗ trợ doanh nghiệp hoàn thiện năng lực quản trị tài chính. Bên cạnh đó, VietinBank cần triển khai các chương trình cho vay ưu đãi và tăng cường kết nối với cộng đồng doanh nghiệp nhằm mở rộng khách hàng, nâng cao chất lượng cho vay và năng lực cạnh tranh.

3.3. Kiến nghị

3.3.1. Kiến nghị với NHNN

Với vai trò là cơ quan quản lý cao nhất của hệ thống tiền tệ và ngân hàng, NHNN có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả hoạt động cho vay của các NHTM, đặc biệt là đối với phân khúc DNNVV. Do đó, để nâng cao chất lượng cho vay đối với DNNVV tại VietinBank, NHNN cần thực hiện một số định hướng và giải pháp mang tính nền tảng: (i) NHNN cần hoàn thiện hành lang pháp lý đối với các mô hình cho vay mới, đặc biệt là cho vay dựa trên dòng tiền và cho vay số. (ii) NHNN cần nâng cao chất lượng và phạm vi của hệ thống thông tin tín dụng quốc gia (CIC). (iii) NHNN cần điều hành chính sách tiền tệ linh hoạt và ổn định nhằm tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động cho vay. (iv) NHNN cần tăng cường công tác thanh tra, giám sát theo hướng hiện đại và hỗ trợ. (v) NHNN cần đóng vai trò định hướng trong việc thúc đẩy chuyển đổi số ngành ngân hàng.

3.3.2. Kiến nghị đối với Chính phủ

Chính phủ giữ vai trò trung tâm trong việc hoạch định chính sách vĩ mô và tạo lập môi trường kinh doanh cho doanh nghiệp. Để nâng cao chất lượng cho vay đối với DNNVV, cần có những giải pháp đồng bộ từ phía Chính phủ nhằm cải thiện nền tảng hoạt động của khu vực này: (i) Chính phủ cần tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường, đặc biệt là khung pháp lý liên quan đến hoạt động của DNNVV. (ii) Chính phủ cần phát triển mạnh hệ thống quỹ bảo lãnh tín dụng cho DNNVV. (iii) Chính phủ cần thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia, đặc biệt là trong lĩnh vực doanh nghiệp. (iv) Chính phủ cần định hướng phát triển các ngành kinh tế ưu tiên và tạo điều kiện cho DNNVV tham gia vào chuỗi giá trị. (v) Chính phủ cần duy trì ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát và tạo môi trường kinh doanh thuận lợi.

3.3.3. Kiến nghị với các bộ, ngành liên quan

Bên cạnh Chính phủ, các bộ, ngành có vai trò trực tiếp trong việc triển khai chính sách và hỗ trợ doanh nghiệp. Để nâng cao chất lượng cho vay đối với DNNVV, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan này: (i) Bộ Tài chính cần hoàn thiện chế độ kế toán và báo cáo tài chính dành cho DNNVV theo hướng đơn giản nhưng vẫn đảm bảo minh bạch. (ii) Bộ Công thương cần thúc đẩy phát triển thương mại điện tử và hỗ trợ DNNVV tham gia vào các chuỗi cung ứng trong và ngoài nước. (iii) Bộ Thông tin và Truyền thông cần phát triển hạ tầng số quốc gia, đảm bảo an toàn dữ liệu và thúc đẩy kết nối giữa các hệ thống thông tin. (iv) Tăng cường cơ chế phối hợp liên ngành trong việc chia sẻ dữ liệu và hỗ trợ doanh nghiệp.

Kết luận chương 3

Chương 3 đã cung cấp một hệ thống giải pháp đồng bộ và khả thi, gắn liền với thực tiễn hoạt động của VietinBank. Việc triển khai hiệu quả các giải pháp này không chỉ giúp ngân hàng nâng cao chất lượng cho vay đối với DNNVV mà còn góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững của khu vực doanh nghiệp này, qua đó đóng góp tích cực vào tăng trưởng kinh tế quốc gia.

KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu luận án, có thể thấy rõ bức tranh toàn diện về chất lượng cho vay đối với DNNVV tại VietinBank, từ cơ sở lý luận, thực tiễn triển khai, đến định hướng và giải pháp nâng cao chất lượng cho vay đối với DNNVV tại VietinBank đến năm 2035.

(i) Chương 1 đã xây dựng cơ sở lý luận vững chắc về chất lượng cho vay đối với DNNVV tại các NHTM.

(ii) Chương 2 tập trung vào thực trạng chất lượng cho vay đối với DNNVV tại VietinBank, phân tích chi tiết các chỉ tiêu định tính và định lượng trong giai đoạn 2020-2025. Qua nghiên cứu, nhận thấy ngân hàng đã đạt được những tiến bộ rõ rệt trong việc mở rộng quy mô cho vay, hoàn thiện quy trình và chính sách cho vay, đồng thời ứng dụng một phần công nghệ số vào đánh giá cho vay. Tuy nhiên, chương cũng chỉ ra những hạn chế còn tồn tại, như tỷ lệ nợ quá hạn và nợ xấu vẫn có biến động, một số doanh nghiệp chưa được tiếp cận cho vay số hiệu quả, quy trình đánh giá rủi ro chưa đồng bộ hoàn toàn. Việc khảo sát định lượng và phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng cho vay cho thấy sự tác động đa chiều từ yếu tố nội tại doanh nghiệp, chính sách của ngân hàng và điều kiện vĩ mô.

(iii) Chương 3 xây dựng các giải pháp và định hướng nâng cao chất lượng cho vay, dựa trên cơ sở lý luận và thực trạng đã phân tích. Định hướng của VietinBank tập trung vào ba trụ cột chính: chuyển đổi mô hình cho vay từ dựa trên TSBĐ sang dựa trên dòng tiền và dữ liệu số, phát triển hệ sinh thái cho vay số gắn kết chuỗi giá trị, và nâng cao năng lực quản trị rủi ro theo hướng chủ động. Đồng thời, chương 3 cũng đưa ra các mục tiêu cụ thể về giảm nợ xấu, rút ngắn thời gian phê duyệt, nâng tỷ trọng cho vay số và cải thiện bao phủ nợ xấu, qua đó nâng cao chất lượng cho vay một cách toàn diện. Luận án còn đưa ra các kiến nghị quan trọng đối với các cơ quan quản lý, đó là các điều kiện để triển khai tốt các giải pháp đã đề xuất

CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CỦA NCS CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. Đinh Lê Hạnh (2025) Một số giải pháp giúp DNNVV ở Việt Nam tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng, Tạp chí Nghiên cứu Tài chính kế toán số 302 (kỳ 2 tháng 2 năm 2025)
2. Đinh Lê Hạnh (2026) Ứng dụng AI-Bic data trong thẩm định tín dụng DNNVV tại VietinBank, Tạp chí Nghiên cứu Tài chính kế toán số 310 (kỳ 2 tháng 4 năm 2026)